

Số: 33 /2024/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy trong tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tổ chức bộ máy trong tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, MTTQ, đoàn thể;
- Hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- ĐVSN thuộc UBND tỉnh;
- Cty TNHH MTV Xổ số KT tỉnh ST;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn
- Lưu: TH, KT, VX, QT, NC, HC (20b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Lâu



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý tổ chức bộ máy trong tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số 33 /2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý tổ chức bộ máy trong tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức hành chính

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là sở, ban, ngành).

- Văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc sở, ban, ngành (sau đây viết tắt là phòng thuộc sở, ban, ngành); chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở, ban, ngành (sau đây gọi tắt là chi cục).

- Phòng thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc sở, ban, ngành (sau đây viết tắt là phòng thuộc chi cục).

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây viết tắt là phòng cấp huyện); các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Hội, Quỹ

Các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý về tổ chức bộ máy trong tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác quản lý tổ chức bộ máy đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Việc thực hiện quản lý về tổ chức bộ máy phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định của Chính phủ, các văn bản pháp lý có liên quan.

Điều 3. Nội dung quản lý

1. Quản lý tổ chức bộ máy trong tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quản lý tổ chức, hoạt động và quản lý Nhà nước đối với hội, quỹ.

Chương II QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 4. Trách nhiệm của sở, ban, ngành

1. Xây dựng đề án, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định.

2. Xây dựng đề án (hoặc chuẩn bị hồ sơ) và trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chỉ đạo Thủ trưởng đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

4. Chỉ đạo Thủ trưởng đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nhiệm vụ được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập quy định thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo) theo quy định của pháp luật.

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình đối với các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục theo quy định, bao gồm: Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm học tập cộng đồng và các cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

Điều 7. Trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Xây dựng Đề án và trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

2. Xây dựng Đề án tự chủ của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

3. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ TỔ CHỨC HỘI, QUỸ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Thẩm định trình Chủ tịch ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trong huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép đặt văn phòng đại diện đối với các hội có phạm vi hoạt động cả nước, hội có phạm vi hoạt động liên tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 24 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Điều 6 của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

4. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép Hội thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký của Hội, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ Hội theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hội, quỹ đối với các hội, quỹ có phạm vi hoạt động tại địa phương.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của Thủ trưởng sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các hội đặc thù cấp tỉnh; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện và triển khai Quy định này; báo cáo định kỳ và đột xuất về Sở Nội vụ.

3. Trường hợp các văn bản quy định viện dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định hiện hành./.